



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2 (SỐ 7)

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS, SECOND EXPANSION (No 7)

**(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ - VPCNCLQG
ngày tháng 12 năm 2025 của Giám đốc Văn phòng Công nhận
chất lượng quốc gia/of BoA Director)**

Tên phòng thí nghiệm:	Khoa Vi sinh và biến đổi gen Khoa Động thực vật thực nghiệm
<i>Laboratory:</i>	<i>Laboratory of Microbiology and Genetically modified food</i> <i>Laboratory of Experiments on animals and plants</i>
Tổ chức /Cơ quan chủ quản:	Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia
<i>Organization:</i>	<i>National Institute for Food Control</i>
Số hiệu/ Code:	VILAS 203
Chuẩn mực công nhận <i>Accreditation criteria</i>	ISO/IEC 17025:2017
Lĩnh vực:	Sinh
<i>Field:</i>	<i>Biological</i>
Người quản lý:	Lê Thị Hồng Hảo
<i>Laboratory manager:</i>	<i>Le Thi Hong Hao</i>
Hiệu lực công nhận <i>Period of Validation:</i>	từ ngày / 12 /2025 đến ngày 22/12/2026
Địa chỉ:	Số 65 Phạm Thận Duật, P. Phú Diễn, TP. Hà Nội
<i>Address:</i>	<i>No 65, Pham Than Duat Street, Phu Dien ward, Ha Noi City</i>
Địa điểm:	Số 65 Phạm Thận Duật, P. Phú Diễn, TP. Hà Nội
<i>Location:</i>	<i>No 65, Pham Than Duat Street, Phu Dien ward, Ha Noi City</i>
Điện thoại/ Tel:	024 3933 5741
Email:	qm@nifc.gov.vn
Website:	www.nifc.gov.vn

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2 (SỐ 7)

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS, SECOND EXPANSION (No 7)

VILAS 203

KHOA VI SINH VÀ BIẾN ĐỔI GEN, KHOA ĐỘNG THỰC VẬT THỰC NGHIỆM

LABORATORY OF MICROBIOLOGY AND GENETICALLY MODIFIED FOOD,

LABORATORY OF EXPERIMENTS ON ANIMALS AND PLANTS

Lĩnh vực thử nghiệm: Sinh

Field of testing: Biological

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
1.	Thực phẩm, thực phẩm chức năng, thức ăn chăn nuôi, phụ gia thực phẩm <i>Food, Functional food, animal feeding stuffs, food additive</i>	Định lượng <i>Clostridium perfringens</i> Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Clostridium perfringens</i> <i>Colony-count technique</i>		ISO 15213-2:2023
2.		Định lượng vi khuẩn kỵ khí khử sulfite, bào tử vi khuẩn kỵ khí khử sulfite Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of anaerobic sulfite-reducing bacteria, spores of anaerobic sulfite-reducing bacteria</i> <i>Colony-count technique</i>		ISO 15213-1:2023
3.		Định lượng <i>Clostridium</i> spp. khử sulfite, bào tử <i>Clostridium</i> spp. khử sulfite Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of sulfite-reducing Clostridium spp., spores of sulfite-reducing Clostridium spp.</i> <i>Colony-count technique</i>	-	ISO 15213-1:2023
4.		Phát hiện Coliforms <i>Detection of Coliforms</i>	eLOD ₅₀ : 1 CFU/25g (mL) 1 CFU/10g (mL) 1 CFU/g (mL)	TCVN 4882:2007 (ISO 4831:2006)
5.		Phát hiện <i>Escherichia coli</i> giả định <i>Detection of presumptive Escherichia coli</i>	eLOD ₅₀ : 1 CFU/25g (mL) 1 CFU/10g (mL) 1 CFU/g (mL)	TCVN 6846:2007 (ISO 7251:2005)
6.		Định lượng <i>Salmonella</i> spp. Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) <i>Enumeration of Salmonella spp. Most probable number technique (MPN)</i>	0 MPN/g (mL)	TCVN 10780-2:2015 (ISO/TS 6579-2:2012)

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2 (SỐ 7)

LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS, SECOND EXPANSION (No 7)

VILAS 203

KHOA VI SINH VÀ BIẾN ĐỔI GEN, KHOA ĐỘNG THỰC VẬT THỰC NGHIỆM

LABORATORY OF MICROBIOLOGY AND GENETICALLY MODIFIED FOOD,

LABORATORY OF EXPERIMENTS ON ANIMALS AND PLANTS

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
7.	Thực phẩm, thực phẩm chức năng, thức ăn chăn nuôi, phụ gia thực phẩm <i>Food, functional food, animal feeding stuffs, food additive</i>	Định lượng <i>Vibrio parahaemolyticus</i> Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) <i>Enumeration of Vibrio parahaemolyticus</i> <i>Most probable number technique (MPN)</i>	0 MPN/g (mL)	TCVN 8988:2012
8.		Định lượng <i>Vibrio parahaemolyticus</i> Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) <i>Enumeration of Vibrio parahaemolyticus</i> <i>Most probable number technique (MPN)</i>	3 MPN/g (mL)	FDA-BAM Chapter 9:2019
9.		Định lượng <i>Vibrio parahaemolyticus</i> ; <i>Vibrio cholerae</i> Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of Vibrio parahaemolyticus</i> <i>Colony-count technique</i>		NMKL 156:1997
10.	Thực phẩm, thực phẩm chức năng <i>Food, functional food</i>	Định lượng <i>Bacillus cereus</i> <i>Enumeration of Bacillus cereus</i>		AOAC 980.31
11.		Định lượng <i>Staphylococcus aureus</i> Kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất (MPN) <i>Enumeration of Staphylococcus aureus</i> <i>Most probable number technique (MPN)</i>		TCVN 7927:2008 AOAC 987.09
12.	Sữa và sản phẩm sữa <i>Milk and milk products</i>	Định lượng các vi sinh vật đặc trưng Kỹ thuật đếm khuẩn lạc ở 37°C <i>Enumeration of characteristic microorganisms</i> <i>Colony-count technique at 37° C</i>		TCVN 8177: 2009 ISO 7889:2003

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN MỞ RỘNG LẦN 2 (SỐ 7)*LIST OF EXTENDED ACCREDITED TESTS, SECOND EXPANSION (No 7)***VILAS 203****KHOA VI SINH VÀ BIẾN ĐỔI GEN, KHOA ĐỘNG THỰC VẬT THỰC NGHIỆM****LABORATORY OF MICROBIOLOGY AND GENETICALLY MODIFIED FOOD,****LABORATORY OF EXPERIMENTS ON ANIMALS AND PLANTS**

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử/ <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể/ <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantitation (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử/ <i>Test method</i>
13.	Sữa nguyên liệu và sữa thanh trùng <i>Raw and pasteurized milk</i>	Định lượng vi sinh vật ưa lạnh Kỹ thuật đếm khuẩn lạc <i>Enumeration of psychrotrophic microorganisms Colony-count technique</i>		TCVN 7900:2008 ISO 17410:2019
14.	Mỹ phẩm <i>Cosmetics</i>	Định lượng tổng số nấm men, nấm mốc Đếm các khuẩn lạc trên môi trường thạch chọn lọc sau khi ủ hiếu khí <i>Enumeration of yeast and mould Counting the colonies on selective agar medium after aerobic incubation</i>		ISO 16212:2017/ Amd1:2022 TCVN 13633:2023
15.		Phát hiện <i>Staphylococcus aureus</i> <i>Detection of Staphylococcus aureus</i>	eLOD ₅₀ : 1 CFU/g (mL)	ISO 22718:2015/ Amd1:2022 TCVN 13640:2023
16.		Phát hiện <i>Pseudomonas aeruginosa</i> <i>Detection of Pseudomonas aeruginosa</i>	eLOD ₅₀ : 1 CFU/g (mL)	ISO 22717:2015/ Amd1:2022 TCVN 13639:2023
17.		Phát hiện <i>Escherichia coli</i> <i>Detection of Escherichia coli</i>	eLOD ₅₀ : 1 CFU/g (mL)	ISO 21150:2015/ Amd.1:2022
18.		Phát hiện <i>Candida albicans</i> <i>Detection of Candida albicans</i>	eLOD ₅₀ : 1 CFU/g (mL)	ISO 18416:2015/ Amd.1:2022 TCVN 13636:2023
19.		Định lượng tổng số vi khuẩn hiếu khí ưa nhiệt trung bình <i>Enumeration of aerobic mesophilic bacteria</i>		ISO 21149:2017/ Amd1:2022 TCVN 13638:2023

Chú thích/ Note:

- ISO: International Organization for Standardization.
- TCVN: Tiêu Chuẩn Việt Nam / Vietnam standard
- NIFC ...: phương pháp nội bộ PTN/laboratory's developed method.

Trường hợp Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hoá thì Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for National Institute for Food Control that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

